

Số: /SVHTTDL-QLTDTT

Bắc Ninh, ngày tháng 6 năm 2026

V/v tăng cường công tác quản lý nhà nước
về các hoạt động bơi lội trong dịp hè 2026

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các xã, phường

Thực hiện Quyết định số 3246/QĐ-BVHTTDL ngày 14/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt Chương trình bơi an toàn, phòng chống đuối nước trẻ em giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh về phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh; Công văn số 5759/UBND-KGVX ngày 05/6/2026 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và phòng, chống tai nạn, thương tích, đuối nước trẻ em trong dịp hè, mùa mưa bão; nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động bơi lội, chủ động phòng ngừa tai nạn đuối nước trẻ em trong dịp hè năm 2026, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị UBND các xã, phường quan tâm chỉ đạo thực hiện một số nội dung sau:

1. Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo các hoạt động bơi lội và phòng, chống đuối nước trẻ em

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh về phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh; Công văn số 5759/UBND-KGVX ngày 05/6/2026 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và phòng, chống tai nạn, thương tích, đuối nước trẻ em trong dịp hè, mùa mưa bão.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng phòng, chống đuối nước trẻ em; nâng cao trách nhiệm của gia đình, nhà trường và cộng đồng trong quản lý, giám sát trẻ em trong thời gian nghỉ hè.

- Chỉ đạo rà soát các khu vực có nguy cơ xảy ra tai nạn đuối nước như sông, ngòi, ao, hồ, hồ nước sâu, công trình thủy lợi; thực hiện các biện pháp cảnh báo, phòng ngừa và bảo đảm an toàn theo quy định.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, cơ sở giáo dục, các tổ chức, cá nhân kinh doanh hoạt động bơi lội trên địa bàn tổ chức các hoạt động dạy bơi an toàn, trang bị kỹ năng phòng, chống đuối nước và kỹ năng sơ cấp cứu ban đầu cho trẻ em phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát các bể bơi và cơ sở kinh doanh dịch vụ bơi lội trên địa bàn; kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh, xử lý các trường hợp không bảo đảm điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo các cơ sở kinh doanh hoạt động bơi lội thực hiện đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân viên chuyên môn, nhân viên cứu hộ theo quy định hiện hành.

2. Công tác thống kê, báo cáo

Tiếp tục thực hiện chế độ thống kê lĩnh vực thể dục thể thao theo quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-BVHTTDL và Công văn số 1074/SVHTTDL-QLTDTT ngày 08/4/2026 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; trong đó có nội dung thống kê về hoạt động bơi lội.

Báo cáo kết quả thực hiện và các biểu thống kê theo phụ lục gửi kèm, gửi về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước ngày 30/8/2026 để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị UBND các xã, phường quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện; trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, phản ánh về Sở để được hướng dẫn, phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đc Mai Sơn, PCT UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Sở (GD, PGĐ Ảnh);
- TTHLTT số 1,2;
- Phòng VHXXH, TT CUDVSNC các xã, phường;
- Lưu: VT, QLTDTT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Ảnh

PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông tư số: 01/2019/TT-BVHTTDL ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

Mẫu báo cáo kết quả đánh giá phong trào thể dục, thể thao quần chúng trên địa bàn xã/phường

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../BC-UBND

.....(1)...., ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO CÁO SỐ LIỆU

Đánh giá phong trào thể dục, thể thao quần chúng trên địa bàn xã/ phường.....
năm 2026

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

TT	Nội dung	Chỉ số năm liền trước năm đánh giá	Chỉ số năm đánh giá	Chỉ số phân đầu năm đánh giá	Tỷ lệ so sánh	
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	$\frac{(e)}{(d)-(c)}$	$(g) = (d):(đ) \times 100(\%)$
I	Số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên					
1.1	Tổng số dân trên địa bàn					
1.2	Tổng số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên					
1.3	Tỷ lệ % = (Tổng số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên/ tổng số dân trên địa bàn) x 100 (%)					
II	Số gia đình thể thao					
2.1	Tổng số hộ gia đình trên địa bàn					
2.2	Tổng số gia đình thể thao					
2.3	Tỷ lệ % = (Tổng số gia đình thể thao/ tổng số hộ gia đình trên địa bàn) x 100 (%)					
III	Số cộng tác viên thể dục, thể thao					
3.1	Tổng số cộng tác viên thể dục, thể thao thực hiện nhiệm vụ được giao					
3.2	Tỷ lệ % = (tổng số cộng tác viên thể dục, thể thao/ tổng số dân trên địa bàn) x 100 (%)					
IV	Số câu lạc bộ thể thao, cơ sở kinh doanh (có biểu chi tiết kèm theo)					
4.1	Tổng số câu lạc bộ thể thao cơ sở ở khu dân cư					
4.2	Tổng số câu lạc bộ thể thao cơ sở ở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp					

4.3	Tổng số cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao trên địa bàn				
4.4	Tổng số câu lạc bộ thể thao cơ sở và cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao trên địa bàn (tổng các mục 4.1; 4.2 và 4.3)				
V	Số công trình thể thao				
5.1	Tổng số nhà tập luyện, nhà thi đấu thể thao (tổng các mục 5.1.1 và 5.1.2)				
5.1.1	Tổng số nhà tập luyện, thi đấu thể thao đa năng				
5.1.2	Tổng số nhà tập luyện, thi đấu thể thao đơn môn				
5.2	Tổng số bể bơi (tổng các mục 5.2.1; 5.2.2 và 5.2.3)				
5.2.1	Tổng số bể bơi có chiều dài 50 mét				
5.2.2	Tổng số bể bơi có chiều dài 25 mét				
5.2.3	Tổng số các loại bể bơi khác				
5.3	Tổng số sân tập luyện, thi đấu thể thao ngoài trời (tổng các mục 5.3.1; 5.3.2; 5.3.3; 5.3.4; 5.3.5; 5.3.6; 5.3.7 và 5.3.8)				
5.3.1	Tổng số sân vận động có khán đài				
5.3.2	Tổng số sân vận động không khán đài				
5.3.3	Tổng số sân bóng đá mi ni				
5.3.4	Tổng số sân bóng chuyên				
5.3.5	Tổng số sân bóng rổ				
5.3.6	Tổng số sân cầu lông				
5.3.7	Tổng số sân quần vợt				
5.3.8	Tổng số các loại sân tập luyện, thi đấu thể thao khác				
5.4	Tổng số công trình thể thao đang sử dụng cho hoạt động thể dục, thể thao trên địa bàn (tổng các mục 5.1; 5.2 và 5.3)				
VI	Số giải thể thao tổ chức hàng năm				
6.1	Tổng số giải thể thao quần chúng do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tổ chức:				
6.2	Tổng số giải thể thao quần chúng do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học, đơn vị lực lượng vũ trang và các tổ chức khác tổ chức				
6.3	Tổng số giải thể thao quần chúng được tổ chức trên địa bàn (tổng các mục 6.1; 6.2; 6.3)				

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu VT, ...

Họ và tên

SỐ LIỆU CHI TIẾT KÈM THEO PHU LỤC

UBND XÃ/PHƯỜNG.....

PHÒNG VH-XH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày tháng .. năm 2026

BÁO CÁO THỐNG KÊ

Cơ sở kinh doanh hoạt động TDTT trên địa bàn xã/phường.....

TT	Tên cơ sở kinh doanh	Số điện thoại chủ cơ sở	Địa chỉ (số nhà, thôn xóm, xã, cơ quan, đơn vị...)	Loại hình kinh doanh/số lượng													Tổng số		
				Bơi, lặn (số lượng bể)	Quần vợt (số sân)	Nhà tập luyện, thi đấu cầu lông... (số sân)	Phòng tập Thể hình (số phòng)	Phòng thể dục thẩm mỹ (số phòng)	Bóng bàn (số bàn)	Bóng đá cỏ nhân tạo (số sân)	Khiêu vũ thể thao (số lớp)	Võ cổ truyền (số lớp)	Vovinam (số lớp)	Phòng tập Yoga (số phòng)	Môn Võ khác	billards&snooker (số bàn)		Pickleball (số sân)	
I	Đối với doanh nghiệp																		
1																			
2																			
3																			
4																			
II	Đối với hộ kinh doanh																		
1																			
2																			
3																			
4																			
5																			
6																			

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

SỐ LIỆU CHI TIẾT KÈM THEO PHỤ LỤC

UBND XÃ/PHƯỜNG.....

PHÒNG VH&TT

Số: /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2026

THỐNG KÊ

Các hội, câu lạc bộ TDTT trên địa bàn xã/phường.....

TT	Lĩnh vực hoạt động	Tên hội, câu lạc bộ (ghi theo Quyết định thành lập)	Địa chỉ (ghi rõ: Thôn, bản tdp, cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn xã quản lý)	Năm thành lập	Quyết định thành lập			Chủ tịch hội/Chủ nhiệm CLB		Tổng số hội viên
					Số và ký hiệu	Ngày, tháng, năm ban hành	Trích yếu	Họ và tên	Số điện thoại	
I	HỘI, CLB ĐÃ CÓ QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP									
1	Võ									
2	Vật									
3	Đẩy gậy									
4	Cờ vua									
5	Cờ tướng									
6	Cầu lông									
7	Thể hình									
8	Yoga									
9	Khiêu vũ thể thao									
10	Đá cầu									
11	Bóng bàn									
12	Bóng đá									
13	Điền kinh									
14	Quần vợt									
15	Cầu mây									
16	Thể dục thẩm mỹ									
17	Billards&snooker									
18	Thể dục dưỡng sinh									
19	Bóng chuyền hơi									
20	Bóng chuyền da									

21	Pickleball								
								
II	HỘI, CLB CHƯA CÓ QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP (tự phát)								
TT	Lĩnh vực hoạt động	Tên hội, câu lạc bộ	Địa chỉ (ghi rõ: Thôn, bản, TDP, cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn xã quản lý)	Năm thành lập	Chủ tịch hội/Chủ nhiệm CLB (nếu có)		Số người tham gia		
					Họ và tên	Số điện thoại			
1	Võ								
2	Vật								
3	Đẩy gậy								
4	Cờ vua								
5	Cờ tướng								
6	Cầu lông								
7	Thể hình								
8	Yoga								
9	Khiêu vũ thể thao								
10	Đá cầu								
11	Bóng bàn								
12	Bóng đá								
13	Điền kinh								
14	Quần vợt								
15	Cầu mây								
16	Thể dục thẩm mỹ								
17	Billards&snooker								
18	Thể dục dưỡng sinh								
19	Bóng chuyền hơi								
20	Bóng chuyền da								
21	Pickleball								
								

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)